TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2024
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Lưu
2. Bà Nguyễn Thị Ánh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Giang Ngọc Hà, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 460/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023, về việc: "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 593/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 608/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn A, sinh năm: 1972

Bị đơn: Bà Dương Hoài B, sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: khu phố C, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, ông và bà Dương Hoài B tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 31/2002. Trong thời gian chung sống ông bà có mâu thuẫn về tiền bạc và ông đã cho bà B nhiều cơ hội sửa sai nhưng bà B vẫn không thay đổi. Ông bà đã được Tòa án tổ chức hòa giải trước khi Tòa thụ lý vụ án có Hòa giải viên là ông Nguyễn Bính vào ngày 16/8/2023 nhưng không thành. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải, chung sống hạnh phúc được nữa, ông yêu cầu được ly hôn với bà Dương Hoài B. Ông không còn tình cảm với bà B nữa yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn theo thủ tục được pháp luật quy định, bà B thường xuyên bỏ nhà đi, do trốn nợ, một mình ông phải lo kinh tế cho gia đình.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Trần Thị Hoài F, (giới tính: nữ), sinh ngày 28/5/2003 (Đã trưởng thành) và Trần Khánh G, (giới tính: nữ), sinh ngày 22/5/2008. Sau ly hôn ông muốn tiếp tục được nuôi con Trần Khánh G. Trần Thị Hoài F đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Về tài sản và nợ chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Dương Hoài B có nhận Giấy triệu tập của Tòa án, biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết việc ông A yêu cầu ly hôn với bà, bà có nghe điện thoại Tòa án báo gọi nhưng không đến Tòa; không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71; Bị đơn không thực hiện đúng Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: về hôn nhân, ông Trần Văn A được ly hôn bà Dương Hoài B, về con chung, giao con chưa thành niên Trần Khánh G cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, ông A không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét. Về tài sản và nợ chung ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí ông Trần Văn A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Trần Văn A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Dương Hoài B có nơi cư trú tại thành phố Phan Thiết; về con chung ông bà có 02 con chung là Trần Thị Hoài F, (giới tính: nữ), sinh ngày 28/5/2003 (Đã trưởng thành) và Trần Khánh G, (giới tính: nữ), sinh ngày 22/5/2008. Đây là vụ kiện "Ly hôn, nuôi con chung" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành các bước thụ lý, hòa giải, ra Quyết định xét xử… nguyên đơn tham gia và chấp hành đầy đủ theo qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà B nhưng bà B vẫn vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản đúng theo quy định của khoản 1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: ông Trần văn A và bà Dương Hoài B tự nguyện tìm hiểu, sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường E, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào năm 2002. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: ông A cho rằng, cuộc sống hôn nhân không được như ý muốn, xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà B thường xuyên gây nợ nần, ông đã cho bà nhiều cơ hội nhưng đến thời điểm này mọi việc vẫn như cũ. Trước đây khi Tòa án mời làm việc có Hòa giải viên tham gia, bà B không đồng ý ly hôn, bà biết sai do gây nợ nần nhưng vẫn muốn được ông A tha thứ, ông A trình bày do trốn nợ bà thường xuyên bỏ nhà đi, không ký nhận các văn bản của Tòa án giao, ông không tha thứ cho bà B, không muốn tiếp tục gánh nợ do bà B cờ bạc gây ra, vợ chồng không còn tiếng nói chung, dù có cố gắng thêm cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, gia đình hiện nay thực sự đã tan vỡ, ông bà mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm dẫn đến bế tắc trong cuộc sống nên ông yêu cầu HĐXX xem xét cho ông bà được ly hôn.

HĐXX xét thấy thực tế ông bà đã không thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, gia đình không hạnh phúc nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A với bà B theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2]. Về con chung: ông bà có 02 con chung là Trần Thị Hoài F, (giới tính: nữ), sinh ngày 28/5/2003 (Đã trưởng thành) và Trần Khánh G, (giới tính: nữ), sinh ngày 22/5/2008.

Nguyện vọng ông A sau ly hôn muốn được trực tiếp nuôi con chưa thành niên Trần Khánh G, ông không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Toà án đã thu thập bản tự khai thể hiện ý chí nguyện vọng của con chung nên HĐXX nhận thấy các yêu cầu này là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: do ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: ông Trần Văn A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn A đối với bà Dương Hoài B; ông Trần Văn A được ly hôn bà Dương Hoài B.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Trần Thị Hoài F, (giới tính: nữ), sinh ngày 28/5/2003 (Đã trưởng thành) và Trần Khánh G, (giới tính: nữ), sinh ngày 22/5/2008.

Giao con chung Trần Khánh G cho ông A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

Ông Trần Văn A không yêu cầu bà Dương Hoài B cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xét, con chung Trần Thị Hoài F đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Bà B được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: ông Trần Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

3. Về án phí: ông Trần Văn A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình. Ngày 01/10/2023 ông A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018776 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phan Thiết nay chuyển sang án phí, án phí ông A đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Văn A được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/01/2024), bị đơn bà Dương Hoài B vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP.Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS TP.Phan Thiết;
- UBND các đương sự ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Ngọc